

PHỤ LỤC CÁC VĂN BẢN CỦA HĐND - UBND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 2221/BC-UBND ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh)

1. Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ 13 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;
2. Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024.
3. Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quyết định quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2024.
4. Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
5. Kế hoạch số 3074/KH-UBND ngày 29/11/2021 ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Kế hoạch số 6186/KH-UBND ngày 27/12/2023 ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính Nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
6. Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Kế hoạch Cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trọng tâm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
7. Kế hoạch số 489/KH-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
8. Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm tài sản tập trung tỉnh Điện Biên năm 2024.
9. Kế hoạch số 377/KH-UBND ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Kế hoạch Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
10. Báo cáo số 1035/BC-UBND ngày 11/03/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.
11. Hướng dẫn số 2272/HD-UBND ngày 21/05/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Khen thưởng thành tích trong Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
12. Chỉ thị số 2384/CT-UBND ngày 29/05/2024 của UBND tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

13. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

14. Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách năm 2024.

15. Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2024.

16. Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt Kế hoạch, kinh phí thực hiện mua xe ô tô năm 2024 và điều chỉnh chi ngân sách cho các đơn vị thực hiện mua xe ô tô năm 2024.

17. Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND tỉnh và tỉnh hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024.

18. Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh Cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trọng tâm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

19. Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024.

20. Kế hoạch số 489/KH-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

21. Công văn số 473/UBND-KSTT ngày 30/01/2024 của UBND tỉnh về việc tăng cường chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách TTHC, giải quyết TTHC, thực hiện DVC trên môi trường điện tử tỉnh Điện Biên năm 2024.

22. Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND tỉnh Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước - vốn nước ngoài năm 2023 (đợt 2 - phần vốn chưa phân bổ) và vốn năm 2024 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

23. Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Điện Biên.

24. Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh kế hoạch vốn NSTW năm 2024, tỉnh Điện Biên (đợt 1)

25. Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên Phân bổ chi tiết và điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 (đợt 2), tỉnh Điện Biên.

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THANH TRA KIỂM TRA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 2821/BC-UBND ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh)

1. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra

- Thanh tra hành chính: Toàn ngành đã triển khai thực hiện là 39 cuộc thanh tra, theo kế hoạch 37 cuộc, đột xuất 02 cuộc (năm 2023 chuyển sang là 11 cuộc, triển khai trong kỳ 28 cuộc). Đến nay đã ban hành 22 kết luận. Qua thanh tra phát hiện sai phạm về kinh tế với tổng số tiền 939,35 triệu đồng, trong đó: Kiến nghị thu hồi nợ ngân sách nhà nước 272,24 triệu đồng, kiến nghị giảm trừ qua thanh quyết toán và kiến nghị khác 667,11 triệu đồng, kiến nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm 08 tập thể, 35 cá nhân. Đã thu hồi 272,24 triệu đồng; kiểm điểm, rút kinh nghiệm 08 tập thể, 35 cá nhân có liên quan đến sai phạm.

- Thanh tra chuyên ngành: Thanh tra các sở, ngành đã triển khai 44 cuộc thanh tra đối với 49 tổ chức và 86 cá nhân. Qua thanh tra phát hiện 23 tổ chức và 27 cá nhân có sai phạm về kinh tế là 108,34 triệu đồng, trong đó: kiến nghị thu hồi với số tiền 108,34 triệu đồng; ban hành 48 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.521,7 triệu đồng. Đã thu hồi sai phạm về kinh tế phát hiện qua công tác thanh tra và xử lý vi phạm hành chính với số tiền 1.630,04 triệu đồng.

2. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực

Thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết KNTC và PCTN Tổ chức triển khai thực hiện 14 cuộc thanh tra việc thực hiện các quy định của Luật khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng tại 14 đơn vị. Qua công tác thanh tra chấn chỉnh các cá nhân đứng đầu các cơ quan, đơn vị nêu cao tinh thần trách nhiệm, tuân thủ pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, kiến nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm 05 tập thể, 10 cá nhân.

24

BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN NSNN ĐẾN 31/5/2024

Đơn vị tính: Đồng							
TT	Tên dự án, công trình hoàn thành	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị Quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch giá trị thẩm tra QT so với giá trị ĐNQT	Lũy kế vốn đã thanh toán
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng số:	200	4.682.828.038.021	3.488.349.203.540	1.521.736.960.650	-2.596.165.840	3.399.542.141.188
*	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	91	1.580.511.320.521	1.524.333.126.490	1.521.736.960.650	-2.596.165.840	1.502.181.287.415
*	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	44	2.051.321.582.500	1.964.016.077.050	0	0	1.897.360.853.773
*	Dự án, công trình (HMCT) đã hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	65	1.050.995.135.000	0	0	0	0
A	Các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của UBND tỉnh	75	4.077.178.000.000	3.171.721.793.695	1.335.257.524.391	-2.399.375.031	3.089.956.167.876
I	Dự án, công trình đã phê duyệt báo cáo quyết toán	26	1.386.627.000.000	1.337.656.899.422	1.335.257.524.391	-2.399.375.031	1.321.584.709.472
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Pua Di Tổng thuộc điểm ĐCDC tập trung Há Là Chũ A, xã Hứa Ngải, huyện Mường Chà	1	1.500.000.000	1.432.660.500	1.432.660.500	0	1.432.660.500
2	Đoạn đầu đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 Đường Trung Thu - Lao Xá Phình, huyện Tủa Chùa	1	80.000.000.000	69.613.698.763	69.613.693.000	-5.763	69.613.693.000
3	Nhà đối ngoại đồn Biên phòng A Pa Chải, xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé	1	3.000.000.000	2.982.217.000	2.981.270.000	-947.000	2.965.117.000
4	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ	1	19.000.000.000	18.356.666.370	18.348.984.000	-7.682.370	18.269.459.000
5	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT Nà Tấu	1	10.200.000.000	10.023.895.237	10.023.658.000	-237.237	9.587.150.000
6	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Nà Tấu	1	2.000.000.000	1.969.673.000	1.958.847.000	-10.826.000	1.180.000.000
7	Sửa chữa Trung tâm hội nghị - Nhà khách UBND tỉnh	1	10.000.000.000	9.261.248.462	9.206.593.000	-54.655.462	9.213.007.000
8	Sửa chữa nhà đa năng Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên	1	1.150.000.000	1.136.088.353	1.136.008.353	-80.000	1.129.533.353
9	Bệnh viện đa khoa huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên	1	165.000.000.000	156.088.466.888	155.928.268.066	-160.198.822	155.670.135.738
10	Bảo tồn, tôn tạo di tích thành Sam Múm, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	1	5.218.000.000	2.255.993.400	2.249.024.000	-6.969.400	2.236.165.000
11	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục phục vụ công tác nghiệp vụ, chuyên môn của Sở Nội vụ	1	1.750.000.000	1.719.842.000	1.717.113.000	-2.729.000	1.709.701.000
12	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình Nhà thi đấu đa năng tỉnh Điện Biên	1	6.000.000.000	5.918.208.000	5.904.889.000	-13.319.000	5.918.208.000
13	Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên	1	4.500.000.000	4.334.035.674	4.330.343.436	-3.692.238	4.152.383.807
14	Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên	1	17.000.000.000	16.945.986.867	16.933.472.867	-12.514.000	16.861.742.867
15	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, công trình; xử lý một số điểm mất an toàn giao thông trên DT.139	1	2.000.000.000	1.989.441.745	1.989.441.745	0	1.945.000.000
16	Xây dựng nhà Lưu xá sinh viên Làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	1	9.500.000.000	9.486.059.000	9.480.791.000	-5.268.000	9.446.564.000
17	Xây dựng mới khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên	1	14.850.000.000	12.677.513.355	12.674.528.355	-2.985.000	12.604.979.355
18	Nâng cấp, cải tạo nhà hội trường Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên	1	6.000.000.000	5.964.104.277	5.964.104.277	0	5.929.828.030
19	Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Him Lam, giai đoạn 2, thành phố Điện Biên Phủ	1	74.900.000.000	63.492.860.939	62.489.758.204	-1.003.102.735	62.838.764.068
20	Đường Mường Lay - Nậm Nhùn tỉnh Điện Biên (Giai đoạn I)	1	862.695.000.000	861.719.913.257	860.663.524.253	-1.056.389.004	848.592.291.419
21	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên (giai đoạn II)	1	61.364.000.000	52.339.561.200	52.281.787.200	-57.774.000	52.339.561.200
22	San ủi mặt bằng + đường vào điểm ĐCDC, điểm định canh định cư Huổi Chá, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà	1	9.000.000.000	8.445.112.000	8.445.112.000	0	8.445.112.000
23	Nâng cấp, cải tạo Nhà ký túc xá 3 tầng Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên	1	8.500.000.000	8.333.384.906	8.333.384.906	0	8.333.384.906
24	Nâng cấp, cải tạo các hạng mục phụ trợ: Cổng, nhà bảo vệ, sân, tường rào và rãnh thoát nước nội bộ Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên	1	6.500.000.000	6.395.401.456	6.395.401.456	0	6.395.401.456
25	Xây dựng nhà thực hành nghề phi nông nghiệp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	1	3.000.000.000	2.894.701.773	2.894.701.773	0	2.894.701.773
26	Nhà sinh hoạt cộng đồng + trang thiết bị điểm ĐCDC Phàng Mú Phình, xã Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	1	2.000.000.000	1.880.165.000	1.880.165.000	0	1.880.165.000
II	Dự án, công trình hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	15	1.916.377.000.000	1.834.064.894.273		0	1.768.371.458.404
1	Đường từ Km45 (Đường Na Pheo - Si Pha Phìn - Mường Nhé). Nà Hỳ, huyện Mường Nhé	1	439.300.000.000	437.994.894.881			437.257.028.524
2	Cải tạo, nâng cấp đường Võ Nguyên Giáp thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	1	200.000.000.000	194.926.257.536			193.909.013.485
3	Xây dựng trụ sở Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Điện Biên	1	10.000.000.000	9.628.258.414			9.359.405.909
4	Cải tạo, sửa chữa Khu thờ tự đại tướng Võ Nguyên Giáp thuộc di tích Sở Chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ tại Mường Phăng	1	10.500.000.000	10.090.453.000			10.102.529.000
5	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ	1	46.000.000.000	44.568.835.783			43.985.000.000
6	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học số 2 xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ	1	14.500.000.000	8.400.000.000			8.400.000.000
7	Tái định cư các hộ dân, chỉnh trị dòng chảy suối Nậm Pồ và san ủi mặt bằng khu trung tâm huyện Nậm Pồ	1	90.000.000.000	80.617.148.266			80.617.147.593
8	Đường Nà Tấu - Pa Khoang, huyện Điện Biên	1	42.250.000.000	40.965.843.358			21.854.599.949
9	Trụ sở Trung tâm Quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	1	14.400.000.000	13.811.785.473			13.000.000.000
10	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	1	16.900.000.000	14.437.446.000			14.407.707.761

25

TT	Tên dự án, công trình hoàn thành	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị Quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch giá trị thẩm tra QT so với giá trị ĐNQT	Lũy kế vốn đã thanh toán
11	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đầu giá quyền sử dụng đất ở phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ	1	63.000.000.000	58.123.479.756			55.890.165.550
12	Nâng cấp đường vào bản Huổi Khương, xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ	1	10.000.000.000	9.740.976.080			9.700.776.080
13	Đường Phi Nhữ - Phình Giàng - Pù Hồng - Mường Nhà (giai đoạn 1) tỉnh Điện Biên	1	247.067.000.000	222.436.978.804			221.926.178.767
14	Đường Na Sang (Km146+200/QL.12) - TT.xã Huổi Mí - Nậm Múc (Km452+300/QL.6) - thị trấn Tòa Chùa - Huổi Long, tỉnh Điện Biên (Phần đoạn TT.Tòa Chùa - Nậm Múc - Huổi Mí)	1	690.000.000.000	667.143.111.569			626.850.616.504
15	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	1	22.460.000.000	21.179.425.353			21.111.289.282
III	Dự án, công trình đã hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	34	774.174.000.000				
	TP Điện Biên Phủ						
1	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Võ Nguyên Giáp, xã Pá Khoang	1	14.900.000.000	14.730.567.000			14.733.603.629
2	Bổ sung, nâng cấp Trường THCS Xã Nà Tấu	1	14.900.000.000	14.678.764.000			21.839.318.000
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Tà Càng, xã Nà Tấu	1	10.600.000.000	10.432.567.000			29.445.080.000
	Huyện Điện Biên						
1	Đường nội thị huyện Điện Biên (GĐ II)	1	25.000.000.000	21.926.974.000			
2	Kè khu dân cư và đất sản xuất 2 bên bờ suối Huổi Lế, xã Noong Hẹt	1	30.000.000.000	29.445.080.000			
3	Đường Tây Trang -bản Pa Thơm	1	111.000.000.000	111.000.000.000			
4	Nâng cấp đường giao thông từ bản Lối - bản Tin Tộc II xã Mường Lói, huyện Điện Biên	1	29.989.000.000	29.989.000.000			
	Huyện Điện Biên Đông						19.356.775.916
1	SC,NC đường Háng Lía - Tia Dinh, xã Tia Dinh	1	14.000.000.000	12.920.093.000			2.300.000.000
2	SC,NC đường Trụ sở xã mới - Bản Chua Ta B, xã Tia Dinh	1	10.000.000.000	9.563.896.000			
3	NC, SC đường nội thị, thảm bê tông nhựa 1 số trục đường nội thị thị trấn Điện Biên Đông	1	13.000.000.000	12.680.000.000			
	UBND Huyện Tuần Giáo						
1	Đường từ xã Pú Xi - bản Hát Lầu huyện Tuần Giáo	1	14.700.000.000	10.273.773.000			
2	Thủy lợi bản Hiệu xã Chiềng Sinh	1	26.354.000.000	25.668.630.601			
3	Thủy lợi Ta Cơn xã Chiềng Sinh	1	10.630.000.000	10.361.831.000			17.506.795.950
	UBND Huyện Mường Nhé						
1	Nâng cấp đường Tả Ko Ky, xã Sín Thầu	1	14.500.000.000	14.500.000.000			
2	Đường Nậm Vi - Nậm Sin, xã Nậm Vi, huyện Mường Nhé	1	26.500.000.000	26.500.000.000			
3	Nâng cấp trường PTDTBT THCS Leng Su Sin xã Leng Su Sin	1	17.990.000.000	17.990.000.000			
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường phổ thông DTBT Tiểu học và THCS Sen Thượng đạt chuẩn quốc gia	1	17.400.000.000	17.400.000.000			
	UBND Huyện Mường Chà						
1	Nâng cấp đường giao thông xã Huổi Lềng - xã Sá Tổng (Điểm đầu từ bản Ma Lù Thàng, xã Huổi Lềng - điểm cuối tuyến Phi 2, xã Sá Tổng).	1	20.000.000.000	18.900.999.000			
	UBND T.Xã Mường Lay						
1	Hệ thống nước sinh hoạt điểm định canh định cư Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	1	2.115.000.000	2.053.000.000			
	Ban QLDA các công trình NN&PTNT tỉnh Điện Biên						
1	Kè bảo vệ đất sản xuất và khu dân cư C9 xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	1	14.800.000.000	14.761.000.000			
	Ban QLDA Giao thông						
1	Dự án đường Quảng Lâm Huổi Lụ - Pá Mỹ, huyện Mường Nhé	1	80.000.000.000	71.092.757.209			
	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng						
1	ĐA: Đường ra Biên giới Hua Pe - Mốc B11, huyện Điện Biên	1	31.300.000.000	31.300.000.000			
2	Đường Na Phay - Huổi Chanh - bản Gia Phú A,B xã Mường Nhà	1	80.000.000.000	80.000.000.000			
	Ban chỉ đạo cấm mốc tỉnh ĐB						
1	Đường công vụ và xây dựng mốc số 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38	1	14.267.000.000	10.429.441.892			
2	Đường công vụ và xây dựng mốc số 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 địa phận huyện Mường Nhé tỉnh Điện Biên	1	5.326.000.000	4.710.139.060			
3	Đường công vụ và xây dựng mốc số 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94 địa phận huyện Mường Chà và huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	1	13.003.000.000	11.742.030.550			
	Ban Dân tộc						
1	Thủy lợi bản Lá Chà	1	5.000.000.000	4.894.061.000			
2	San nền giao thông thoát nước bản Si Văn, xã Pa Thơm	1	6.800.000.000	6.540.273.000			
3	San nền giao thông, thoát nước bản Púng Bon, xã Pa Thơm	1	5.000.000.000	4.833.065.000			
	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch						
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ Sở Đoàn nghệ thuật tỉnh	1	14.950.000.000	14.747.925.000			
	Sở Nông nghiệp và PTNN tỉnh Điện Biên						
1	Dự án đầu tư nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 (giai đoạn IV)	1	58.350.000.000	53.768.980.000			
	Sở Y tế tỉnh Điện Biên						
1	Sửa chữa TTYT huyện Tuần Giáo	1	6.000.000.000	5.899.243.620			
2	Cải tạo sửa chữa nâng cấp TTYT huyện Mường Chà	1	9.800.000.000	9.597.543.470			
3	Cải tạo, nâng cấp PKĐK KV Tả Sin Thàng, huyện Tòa Chùa	1	6.000.000.000	5.787.365.000			
B	Các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của UBND cấp huyện	125	605.650.038.021	316.627.409.845	186.479.436.259	-196.790.809	309.585.973.312
*	Dự án, công trình hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	65	193.884.320.521	186.676.227.068	186.479.436.259	-196.790.809	180.596.577.943

TT	Tên dự án, công trình hoàn thành	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị Quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch giá trị thẩm tra QT so với giá trị ĐNQT	Lũy kế vốn đã thanh toán
*	Dự án, công trình hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	29	134.944.582.500	129.951.182.777	0	0	128.989.395.369
*	Dự án, công trình đã hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	31	276.821.135.000	0	0	0	0
B1	TP Điện Biên Phủ	12	47.080.000.000	41.606.313.840	37.047.495.922	-35.912.950	40.893.662.922
I	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	8	38.080.000.000	37.083.408.872	37.047.495.922	-35.912.950	36.516.550.922
II	Dự án, công trình hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	2	5.000.000.000	4.522.904.968	0	0	4.377.112.000
III	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	2	4.000.000.000				
B2	Thị xã Mường Lay	1	461.685.000	403.527.627	403.527.627	0	403.527.627
I	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	1	461.685.000	403.527.627	403.527.627	0	403.527.627
II	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán						
III	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính						
B3	Huyện Điện Biên	7	22.702.000.000	6.510.684.000	6.506.277.181	-4.406.819	5.930.030.655
I	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	4	6.702.000.000	6.510.684.000	6.506.277.181	-4.406.819	5.930.030.655
II	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra QT nhưng chưa được phê duyệt QT	0					
III	Dự án, công trình (HMCT) đã hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	3	16.000.000.000				
B4	Huyện Tuần Giáo	21	53.900.000.000	52.030.868.000	45.762.752.900	-14.726.100	50.820.027.000
I	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	18	47.000.000.000	45.777.479.000	45.762.752.900	-14.726.100	44.566.638.000
II	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	3	6.900.000.000	6.253.389.000	0	0	6.253.389.000
III	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	0	0	0	0	0	
B5	Huyện Mường Ảng	10	27.748.700.503	26.973.193.978	5.011.563.000	0	26.074.129.960
I	Dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	5	5.079.700.503	5.011.563.000	5.011.563.000	0	4.112.498.982
II	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	5	22.669.000.000	21.961.630.978	0	0	21.961.630.978
III	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	0	0	0	0	0	0
B6	Huyện Mường Chà	3	17.000.000.000	15.270.621.000	15.270.621.000	0	15.121.856.000
I	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	3	17.000.000.000	15.270.621.000	15.270.621.000	0	15.121.856.000
II	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	0					
III	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	0					
B7	Huyện Mường Nhé	20	87.958.717.500	20.730.244.500	0	0	20.055.495.300
I	Dự án, CT (HMCT) hoàn thành đã được phê duyệt QT	0					
II	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	5	20.860.582.500	20.730.244.500	0	0	20.055.495.300
III	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	15	67.098.135.000				
B8	Huyện Nậm Pồ	12	37.778.000.000	36.358.507.525	35.289.852.525	-23.444.000	36.344.566.525
I	Dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	10	36.618.000.000	35.313.296.525	35.289.852.525	-23.444.000	35.299.355.525
II	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	2	1.160.000.000	1.045.211.000	0	0	1.045.211.000
III	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	0					
B9	Huyện Điện Biên Đông	20	69.454.000.000	67.070.865.899	24.131.462.554	-105.861.926	55.061.095.582
I	Dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	9	25.360.000.000	24.237.324.480	24.131.462.554	-105.861.926	23.780.451.163
II	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	7	32.415.000.000	31.280.644.419	0	0	31.280.644.419
III	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	4	11.679.000.000	11.552.897.000	0	0	0
B10	Huyện Tủa Chùa	19	241.566.935.018	181.011.476.126	17.055.883.550	-12.439.014	58.881.581.741
I	Dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán	7	17.582.935.018	17.068.322.564	17.055.883.550	-12.439.014	14.865.669.069
II	Dự án công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán	5	45.940.000.000	44.157.157.912			44.015.912.672
III	Dự án công trình (HMCT) đã hoàn thành chưa lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính	7	178.044.000.000	119.785.995.650			